



**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**

**NĂM 2021**

CÔNG TY CỔ PHẦN  
DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

---o0o---

Số: ...../QĐ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hải Phòng, ngày 27 tháng 04 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3  
Sửa đổi, bổ sung ngày 27/04/2021

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ..... /2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2021.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Nay ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 sửa đổi, bổ sung ngày 27/04/2021 (Quy chế đã sửa đổi đính kèm theo quyết định này).

**Điều 2:** Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị trực thuộc và tất cả các cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

### Nơi nhân:

- Như điều 2
- Lưu Thư ký Công ty, HC

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH

Dược sĩ. Bùi Xuân Hưởng

**MỤC LỤC**

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG ..... 4

    Điều 1. Phạm vi điều chỉnh ..... 4

    Điều 2. Định nghĩa ..... 4

    Điều 3. Nguyên tắc quản trị Công ty ..... 5

    Điều 4. Đào tạo về quản trị Công ty ..... 5

CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ..... 5

    Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông..... 5

    Điều 6. Trách nhiệm của cổ đông lớn..... 6

    Điều 7: Điều lệ Công ty ..... 6

    Điều 8. Hội Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường ..... 6

    Điều 9. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông ..... 7

CHƯƠNG III. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... 10

VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... 10

    Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị..... 10

    Điều 11. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị ..... 11

    Điều 12. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị..... 11

    Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị..... 11

    Điều 14. Họp Hội đồng quản trị ..... 12

    Điều 15. Thù lao Hội đồng Quản trị..... 13

    Điều 16. Thư ký Công ty ..... 13

    Điều 17. Người phụ trách quản trị Công ty ..... 13

CHƯƠNG IV. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT ..... 14

    Điều 18. Tư cách thành viên Ban kiểm soát..... 14

    Điều 19. Thành phần Ban kiểm soát..... 15

    Điều 20. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban kiểm soát..... 15

    Điều 21. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát ..... 15

    Điều 22. Thù lao của Ban kiểm soát..... 15

CHƯƠNG V. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY ..... 16

    Điều 23. Tổ chức bộ máy quản lý ..... 16

    Điều 24. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc và các Cán bộ quản lý tại Công ty ..... 16

    Điều 25. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm các Cán bộ quản lý..... 16

    Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc ..... 16

    Điều 27. Phó Tổng giám đốc ..... 17

    Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Cán bộ quản lý..... 17

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,..... 18

BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH ..... 18

MỤC I. MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... 18

Điều 29. Vị trí, vai trò của Hội đồng quản trị.....	18
Điều 30. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát .....	18
Điều 31. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty .....	18
<b>MỤC II. MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>19</b>
Điều 32. Vị trí, vai trò của Ban kiểm soát .....	19
Điều 33. Mối quan hệ làm việc giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, bộ máy quản lý Công ty .....	19
<b>MỤC III. MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC.....</b>	<b>20</b>
Điều 34. Vị trí, chức năng của Tổng giám đốc.....	20
Điều 35. Mối quan hệ làm việc giữa Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị .....	20
Điều 36. Chế độ hội họp, báo cáo.....	20
Điều 37. Ủy quyền giải quyết công việc .....	21
<b>CHƯƠNG VII. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON.....</b>	<b>21</b>
Điều 38. Quyền của Công ty .....	21
Điều 39. Phương thức thực hiện quyền của Công ty.....	21
Điều 40. Phân công, phân cấp thực hiện quyền và trách nhiệm của Công ty trong quan hệ với các Công ty con .....	21
Điều 41. Quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị .....	21
Điều 42. Quyền, trách nhiệm của Tổng giám đốc .....	22
Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện vốn tại Công ty con.....	22
<b>CHƯƠNG VIII : NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH .....</b>	<b>22</b>
Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Cán bộ quản lý khác .....	22
Điều 45. Giao dịch với người có liên quan.....	23
Điều 46. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty... 24	
<b>CHƯƠNG IX. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>	<b>24</b>
Điều 47. Nghĩa vụ công bố thông tin.....	24
Điều 48. Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty .....	24
Điều 49. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành.....	25
Điều 50. Tổ chức công bố thông tin .....	25
<b>CHƯƠNG X. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM .....</b>	<b>25</b>
Điều 51. Báo cáo .....	25
Điều 52. Giám sát .....	25
Điều 53. Xử lý vi phạm .....	25
<b>CHƯƠNG XI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH .....</b>	<b>26</b>
Điều 54. Sửa đổi, bổ sung Quy chế .....	26
Điều 55. Hiệu lực của Quy chế.....	26

CÔNG TY CỔ PHẦN  
DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3  
---o0o---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
---o0o---

## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

( Ban hành kèm theo quyết định số:...../QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị  
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 ngày 27/04/2021)

### CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được điều chỉnh bởi những quy định của Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Đối tượng áp dụng của Quy chế bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người có liên quan.

#### Điều 2. Định nghĩa

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Công ty” là Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 có trụ sở tại số 16 Lê Đại Hành, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Và: - Nhà máy Nam Sơn số 28 đường 351, thôn Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

- Nhà máy Dược phẩm Trung Ương 3 – Tràng Duệ: Lô N1-2, Khu công nghiệp Tràng Duệ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

b. “Quản trị Công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.

c. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

d. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những Cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

e. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (sau đây gọi tắt là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

f. “Cán bộ quản lý” là Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

g. “Ban điều hành” gồm: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

h. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3.

i. “Công ty con” của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 là công ty được quy định tại Điểm f Khoản 1 Điều 1 Điều lệ Công ty.

j. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần.

2. Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

3. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.

4. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

### **Điều 3. Nguyên tắc quản trị Công ty**

Nhằm đảm bảo cho Công ty điều hành và kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty, Quản trị Công ty phải đảm bảo các nguyên tắc:

1. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả.
2. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông.
3. Đối xử công bằng giữa các cổ đông.
4. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
5. Minh bạch trong hoạt động của Công ty.
6. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.
7. Tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.

### **Điều 4. Đào tạo về quản trị Công ty**

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, Thư ký Công ty được tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

## **CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông**

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Điều lệ Công ty, đặc biệt là:

a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty theo quy định tại chương IX Quy chế này;

d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền;

e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc điều hành phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông có quyền từ chối quyền ưu tiên mua trước cổ phần mới chào bán. Điều này được nêu rõ trong nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông là người đại diện theo pháp luật của các tổ chức, doanh nghiệp có quan hệ Hợp đồng kinh tế hoặc quan hệ thanh toán, quan hệ kinh tế khác với Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 thì cổ đông này phải có tác động và hoạt động tích cực để các tổ chức, doanh nghiệp này thực hiện đúng các quan hệ Hợp đồng kinh tế, quan hệ thanh toán, quan hệ kinh tế khác đối với Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp này không thực hiện đúng Hợp đồng kinh tế đã ký, không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán hoặc nghĩa vụ của quan hệ kinh tế khác đối với Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 thì cổ tức của cổ đông này tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 tạm thời chưa được Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 thanh toán cho đến khi các tổ chức, doanh nghiệp này thực hiện xong nghĩa vụ Hợp đồng kinh tế, nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ của quan hệ kinh tế khác đối với Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3.

#### **Điều 6. Trách nhiệm của cổ đông lớn**

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị liên lạc thường xuyên với các cổ đông lớn, tạo điều kiện để các cổ đông lớn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

#### **Điều 7: Điều lệ Công ty**

1. Công ty xây dựng Điều lệ Công ty theo Điều lệ mẫu do Bộ Tài chính quy định.

2. Căn cứ các thay đổi của pháp luật và tình hình hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét trình Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung Điều lệ trong thời gian hợp lý để Điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Điều 8. Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường**

1. Công ty phải xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, gồm các nội dung chính:

- a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- c. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- d. Cách thức bỏ phiếu;

e. Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;

f. Thông báo kết quả kiểm phiếu;

g. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

h. Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông;

i. Thông báo biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng;

k. Các vấn đề khác.

2. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người uỷ quyền vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Việc uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo các quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty.

3. Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề kiểm toán.

4. Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất.

5. Hàng năm Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

6. Công ty quy định trong Điều lệ Công ty các nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 9. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

Hội đồng quản trị sắp xếp chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lý, bố trí thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Khoản 1,2,3 Điều 19 của Điều lệ Công ty và bao gồm các nội dung chính sau đây:

a. Thủ tục đăng ký và thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

- Việc đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông được áp dụng đối với cổ đông trực tiếp tham dự hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông.

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông xuất trình các giấy tờ được ghi trong Thông báo mời họp, bao gồm: Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu, Thông báo mời họp và Giấy ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền).

- Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Điều lệ Công ty.

- Cổ đông được xem là có tham dự cuộc họp trong trường hợp đã gửi phiếu biểu quyết bằng thư bảo đảm đến Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông chậm nhất một (01) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (hình thức bỏ phiếu từ xa).

b. Khai mạc Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đáp ứng điều kiện theo quy định Điều 18 Điều lệ Công ty.

c. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.



Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.
- Báo cáo của Tổng giám đốc.
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông phải tuân theo các quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức trong năm tài chính.
- Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính.
- Các vấn đề khác cần được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

**d.** Công bố kết quả kiểm phiếu đối với từng nội dung cần được Đại hội đồng cổ đông thông qua gồm: số phiếu tán thành, không tán thành, ý kiến khác.

**đ.** Điều kiện để nghị quyết thông qua được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

**e.** Biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được lập và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản, nghị quyết.

**2.** Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo các quy định tại Điều 149 của Luật doanh nghiệp và Điều 21 của Điều lệ Công ty.

**3.** Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

### **3.1.** Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty.

### **3.2.** Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

**a.** Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp cuộc họp được tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty.

**b.** Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty. Thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

### **3.3.** Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

**a.** Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) tham dự họp thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập

kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

**b.** Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) có thể đăng ký tham dự họp trực tiếp (trong trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến) theo hướng dẫn ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

#### **3.4.** Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **3.5.** Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

**3.6.** Nội dung, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện như quy định tại Điều c Khoản 1 Điều này.

#### **3.7.** Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

**a.** Cách thức bỏ phiếu, thực hiện biểu quyết, bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

**b.** Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại điểm a khoản 3.3 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử. Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Trong trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, những cổ đông dự họp trực tiếp thực hiện biểu quyết theo cách thức quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm kiểm phiếu và tổng hợp kết quả biểu quyết, bầu cử của tất cả các cổ đông dự họp.

**c.** Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.

#### **3.8.** Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

**a.** Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tuân thủ quy định tại Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

**b.** Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty

#### **3.9.** Lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 22 Điều lệ Công ty.

#### **3.10.** Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty.

#### **3.11.** Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến có giá trị tương đương nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp.

**4.** Các tài liệu liên quan được lưu giữ kèm theo biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông gồm: Tài liệu họp; Danh sách cổ đông đăng ký dự họp; Văn bản ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông; Biên bản kiểm phiếu; Biên bản bầu cử (Nếu có) và Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (Nếu có).

**5.** Bế mạc Đại hội đồng cổ đông: chủ tọa Đại hội đồng cổ đông tuyên bố bế mạc cuộc họp sau khi tất cả các vấn đề trong chương trình họp hoặc phát sinh tại Đại hội đã được thảo luận và biểu quyết thông qua.

### CHƯƠNG III. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### **Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty, đặc biệt là:

**a.** Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác (Nếu có);
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

**b.** Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

**c.** Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

#### **d. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:**

Thành viên Hội đồng quản trị được bầu theo phương thức bầu dồn phiếu:

- Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị.

- Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có ghi mã số, tên, số cổ phần của cổ đông và danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự ABC, có đóng dấu treo của Công ty.

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có thể dồn toàn bộ phiếu bầu của mình để bầu cho 01 ứng viên hoặc chia số quyền biểu quyết bầu cho các ứng viên được lựa chọn, nhưng phải

đảm bảo tổng số quyền biểu quyết bầu cho tất cả các ứng viên không được vượt quá tổng số quyền biểu quyết được tham gia bầu cử của cổ đông.

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu ngang nhau và số lượng trúng cử vượt quá số lượng cần bầu thì ứng viên nào đang có cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được lựa chọn. Trường hợp số cổ phần sở hữu ngang nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tịch đoàn quyết định theo phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

### **Điều 11. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

### **Điều 12. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan thực hiện mua hay bán cổ phần của Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật.

### **Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty. Công ty xây dựng cơ cấu quản trị Công ty đảm bảo Hội đồng quản trị có thể thực thi nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và quan tâm tới lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

3. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị gồm các nội dung chủ yếu sau:

a. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

- Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;

- Cách thức đề cử và ứng cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của các nhóm cổ đông có đủ tiêu chuẩn đề cử theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;

- Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

- Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

b. Trình tự, thủ tục họp Hội đồng quản trị:

- Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan, và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp);

- Điều kiện hiệu lực của cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị;
- Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.

**4.** Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát gồm các nội dung chính sau đây:

**a.** Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao:

- Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý cấp cao;
- Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
- Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý cấp cao;
- Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
- Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.

**b.** Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc:

- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc;

- Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát;

- Các trường hợp Tổng giám đốc điều hành và đa số thành viên Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

- Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc;

- Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nói trên.

**5.** Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc và các Cán bộ quản lý.

**6.** Hội đồng quản trị có trách nhiệm lập và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Quy chế này.

#### **Điều 14. Họp Hội đồng quản trị**

**1.** Hội đồng quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Trường hợp vắng mặt phải thông báo đến Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Sổ biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp.

4. Biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được ban hành đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị. Biên bản, nghị quyết và các báo cáo, tài liệu liên quan đến cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở Công ty.

#### **Điều 15. Thù lao Hội đồng Quản trị**

Hàng năm các thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị. Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên Hội đồng Quản trị được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty và phải báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

#### **Điều 16. Thư ký Công ty**

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng Thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp.

2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty.

4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

5. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

6. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 17. Người phụ trách quản trị Công ty**

1. Hội đồng Quản trị và/hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất 01 người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 05 năm. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty.

2. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

3. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

3.1. Có hiểu biết về pháp luật;

3.2. Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

3.3. Các tiêu chuẩn khác (Nếu có) theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và Quyết định của Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

4. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

#### CHƯƠNG IV. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

##### Điều 18. Tư cách thành viên Ban kiểm soát

###### 1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

- a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- đ. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

###### 3. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên;
- b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 19. Thành phần Ban kiểm soát**

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên.

Ban kiểm soát phải chỉ định một 01 thành viên làm Trưởng ban.

#### **Điều 20. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận với tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 21. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hành động của thành viên Hội đồng quản trị, hoạt động của thành viên Ban kiểm soát, Cán bộ quản lý Công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.

2. Ban kiểm soát họp ít nhất hai lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp tối thiểu là 2 người. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ như những tài liệu quan trọng của Công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát đối với các nghị quyết của Ban kiểm soát.

3. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và thành viên kiểm toán độc lập tham gia và trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm.

4. Ban kiểm soát có thể báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước khác trong trường hợp phát hiện những hành vi mà họ cho là vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Tổng giám đốc và các Cán bộ quản lý.

5. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

6. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

#### **Điều 22. Thù lao của Ban kiểm soát**

Hàng năm các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên Ban kiểm soát được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.



## CHƯƠNG V. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY

### Điều 23. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty có một Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và các Cán bộ quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp pháp.

### Điều 24. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc và các Cán bộ quản lý tại Công ty

#### 1. Tiêu chuẩn là ứng viên Tổng giám đốc:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- Là người có trình độ chuyên môn kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

- Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

#### 2. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng

- Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán theo quy định của Luật kế toán;

- Có phẩm chất đạo đức, trung thực, có ý thức chấp hành quy định, chế độ quản lý tài chính theo quy định của pháp luật và của Công ty;

- Phải có chuyên môn nghiệp vụ kế toán;

- Có chứng chỉ kế toán trưởng theo đúng quy định của pháp luật về kế toán;

- Được Tổng giám đốc lựa chọn và giới thiệu cho Hội đồng quản trị.

#### 3. Tiêu chuẩn bổ nhiệm các Cán bộ quản lý tại Công ty

- Có phẩm chất đạo đức, có ý thức chấp hành pháp luật và quy định Công ty;

- Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện tốt các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công;

- Được Tổng giám đốc lựa chọn và giới thiệu cho Hội đồng quản trị.

### Điều 25. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm các Cán bộ quản lý

1. Hội đồng quản trị Công ty là cơ quan trực tiếp bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc chấp thuận từ chức của Cán bộ quản lý trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề xuất, nhận xét, đánh giá đối với người được đề xuất vào chức vụ Tổng giám đốc và biểu quyết thông qua quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc.

3. Tổng giám đốc có quyền đề xuất và giới thiệu cho Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm các Cán bộ quản lý Công ty.

4. Sau khi tập hợp đủ danh sách các ứng viên để bổ nhiệm vào vị trí Cán bộ quản lý, Hội đồng quản trị tổ chức lấy phiếu tín nhiệm trong Hội đồng quản trị và ra nghị quyết bổ nhiệm vị trí đã biểu quyết trừ trường hợp vị trí bổ nhiệm là Tổng giám đốc thì Hội đồng quản trị phải báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông.

### Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc

#### 1. Tổng giám đốc có quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

đ. Vào quý IV hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

e. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

h. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

j. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

k. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

2. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành. Hội đồng quản trị xem xét và bãi nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

#### **Điều 27. Phó Tổng giám đốc**

Các Phó Tổng giám đốc thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo sự ủy quyền của Tổng giám đốc. Việc ủy quyền được thực hiện bằng văn bản theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Cán bộ quản lý**

1. Từ chức: Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý khi xin từ chức, phải làm đơn gửi người quản lý trực tiếp của mình. Người quản lý trực tiếp có trách nhiệm trình Hội đồng quản trị xem xét, lấy ý kiến và ra quyết định thôi đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến phê chuẩn của người quản lý trực tiếp, Cán bộ quản lý đó phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình tại đúng vị trí đã được bổ nhiệm.

2. Miễn nhiệm: Cán bộ quản lý Công ty có thể bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển Cán bộ quản lý;

- Do sức khỏe của Cán bộ quản lý không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm quy định Nội quy, Quy chế Công ty; vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt Hợp đồng lao động.

## **CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,**

### **BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

#### **MỤC I. MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

##### **Điều 29. Vị trí, vai trò của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty; Có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc Đại hội đồng cổ đông.

2. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành có tính chất bắt buộc đối với Ban Tổng giám đốc, Cán bộ quản lý và các bộ phận khác của Công ty.

##### **Điều 30. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

1. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp và kiểm soát tính tuân thủ.

2. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ, thường xuyên để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể mời Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Chương trình, nội dung cuộc họp Hội đồng quản trị phải được gửi tới Ban kiểm soát.

4. Tất cả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các văn bản có tính chất quản trị chung do Hội đồng quản trị ban hành đều được gửi đến Ban kiểm soát trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày xác lập.

##### **Điều 31. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty**

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành là mối quan hệ giữa quản trị và điều hành công việc hàng ngày của Công ty. Trong quá trình thực hiện chức năng quản trị, Hội đồng quản trị tạo điều kiện để Ban điều hành thực hiện tốt chức năng của mình. Ban điều hành tạo điều kiện cần thiết để các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công.

2. Khi phát hiện các vấn đề cấp bách có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty, thành viên Hội đồng quản trị có thể trao đổi trực tiếp với thành viên Ban điều hành để giải quyết kịp thời.

3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Hội đồng quản trị có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện này.

Tổng giám đốc có quyền từ chối thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Đồng thời phải có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát biết.

4. Trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu Tổng giám đốc phát hiện thấy có vấn đề không có lợi cho Công ty thì phải báo kịp thời cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để giải quyết.

5. Tổng giám đốc có quyền đề xuất, kiến nghị đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị có trách nhiệm phản hồi trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được đề xuất, kiến nghị đó.

## MỤC II. MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT

### Điều 32. Vị trí, vai trò của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước cổ đông về kiểm soát việc ban hành, thực hiện các nghị quyết, quyết định, Quy chế của Hội đồng quản trị; kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Tổng giám đốc và Ban Điều hành trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện đúng và đầy đủ chức năng và quyền hạn của mình theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Ban kiểm soát chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý khác nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông và phát triển Công ty.

### Điều 33. Mối quan hệ làm việc giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, bộ máy quản lý Công ty

1. Để thực hiện hoạt động giám sát, Ban kiểm soát có quyền được cung cấp thông tin:

- a. Biên bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- b. Các báo cáo của Tổng giám đốc đối với Hội đồng quản trị;
- c. Các thông tin, tài liệu quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh;
- d. Báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính định kỳ;
- f. Báo cáo công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Việc cung cấp thông tin được thực hiện cùng thời điểm gửi tới thành viên Hội đồng quản trị. Riêng mục c khoản này, Ban kiểm soát phải có yêu cầu bằng văn bản nêu rõ lý do, phạm vi yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu được trong quá trình thực hiện chức năng kiểm soát. Hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Ban kiểm soát phải bằng văn bản, trực tiếp và tại trụ sở Công ty hoặc các đơn vị trực thuộc có lưu trữ hồ sơ liên quan (không gửi qua email).

2. Đối với Hội đồng quản trị

a. Thông báo với Hội đồng quản trị kết quả hoạt động của Ban kiểm soát. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản và phải được gửi đến Hội đồng quản trị để có cách thức quản lý phù hợp.

3. Đối với bộ máy quản lý Công ty

a. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý Công ty tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

b. Đối với hoạt động của Ban điều hành, căn cứ vào các báo cáo thường kỳ và các yêu cầu của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị xem xét các quyết định của Tổng giám đốc. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Công ty hoặc các quy định của pháp luật hiện hành, Ban kiểm soát có quyền gửi thông báo đến Tổng giám đốc yêu cầu xem xét việc thực hiện các quyết định đó. Sau khi yêu cầu, Ban kiểm soát phải thông báo ý kiến đến các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị sẽ xem xét yêu cầu của Ban kiểm soát và có quyết định phù hợp.

### MỤC III. MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

#### Điều 34. Vị trí, chức năng của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3.

2. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và ủy nhiệm các quyền hạn cần thiết để thi hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

3. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

4. Tổng giám đốc phân công hoặc ủy quyền quản lý, điều hành một hoặc một số chức năng, lĩnh vực hoạt động của Công ty cho các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc chức năng, Trưởng phó đơn vị thực hiện. Người được ủy quyền quản lý điều hành chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và phải liên đới chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về các phân việc được phân công hoặc ủy quyền.

#### Điều 35. Mối quan hệ làm việc giữa Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị

1. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm nghiên cứu và xây dựng các phương án hoạt động kinh doanh trình Hội đồng quản trị xem xét và phê chuẩn. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị. Khi phát hiện những vấn đề ảnh hưởng đến lợi ích Công ty, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo với Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị có quyết định điều chỉnh. Nếu Hội đồng quản trị không có quyết định điều chỉnh, Tổng giám đốc phải thực hiện quyết định của Hội đồng quản trị nhưng có quyền bảo lưu ý kiến của mình.

2. Tổng giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu ý kiến của mình đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật và báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định đó nếu thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Tổng giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn nhưng phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị về các quyết định đó.

4. Trong trường hợp hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty có sự thua lỗ hoặc kém hiệu quả trong từng thời kỳ, Tổng giám đốc phải báo cáo và có kế hoạch khắc phục trình Hội đồng quản trị. Trường hợp thua lỗ liên tục mà không xây dựng được phương án tích cực khắc phục tình trạng thua lỗ, Hội đồng quản trị có quyền bãi nhiệm Tổng giám đốc. Chỉ tiêu lợi nhuận đạt được theo kế hoạch kinh doanh và thời gian thua lỗ liên tục được quy định cụ thể trong Hợp đồng lao động của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc Công ty.

#### Điều 36. Chế độ hội họp, báo cáo

1. Tổng giám đốc phải tổ chức và chủ trì các cuộc họp định kỳ hàng tuần, tháng, quý để triển khai các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2. Biên bản các cuộc họp phải được lập, ban hành đến cán bộ tham dự, các cá nhân, đơn vị có liên quan đến việc triển khai nội dung cuộc họp. Biên bản được lưu giữ tại trụ sở Công ty.

3. Trong các kỳ họp của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị về tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh và kết quả triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị.

**Điều 37. Ủy quyền giải quyết công việc**

Những nội dung công việc do Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện thì không được ủy quyền lại cho người thứ ba trừ trường hợp được sự đồng ý của Hội đồng quản trị.

Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản và được ban hành đến tất cả thành viên Hội đồng quản trị và các đối tượng có liên quan.

**CHƯƠNG VII. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON**

**Điều 38. Quyền của Công ty**

Công ty là chủ sở hữu phần vốn góp tại Công ty con nên có các quyền theo như các quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Công ty, Điều lệ Công ty con và các quy định khác có liên quan.

**Điều 39. Phương thức thực hiện quyền của Công ty**

Công ty và các Công ty con là các đơn vị độc lập về tư cách pháp nhân.

Công ty thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn thông qua Người đại diện vốn của Công ty tại Công ty con theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty con và các quy định khác có liên quan.

**Điều 40. Phân công, phân cấp thực hiện quyền và trách nhiệm của Công ty trong quan hệ với các Công ty con**

Quyền và trách nhiệm của Công ty trong quan hệ với các Công ty con được phân công và phân cấp giữa:

1. Hội đồng quản trị
2. Tổng giám đốc
3. Người đại diện vốn

**Điều 41. Quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị**

1. Trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty với tư cách là cổ đông, thành viên góp vốn trong quan hệ với Công ty con theo quy định tại Điều lệ Công ty, các quy định nội bộ của Công ty, Điều lệ Công ty con và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quyết định phân cấp, ủy quyền cho Tổng giám đốc trong việc nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là cổ đông, thành viên góp vốn trong quan hệ với Công ty con.

3. Quyết định cử, bổ nhiệm thay thế Người đại diện vốn; quyết định phân cấp, ủy quyền cho Người đại diện vốn quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn trong quan hệ với Công ty con trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc.

4. Giám sát việc tổ chức, triển khai các quyết định, nghị quyết và chính sách của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.

5. Trong phạm vi thẩm quyền, ban hành các quy chế, quy định của Công ty để cụ thể hóa việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn của Công ty trong quan hệ với Công ty con.

6. Các quyền khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Điều lệ Công ty con, quy chế này và các quy định khác có liên quan.

**Điều 42. Quyền, trách nhiệm của Tổng giám đốc**

1. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm thực hiện quyền và trách nhiệm của cổ đông, thành viên góp vốn trong quan hệ với Công ty con.

2. Theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị, quyết định đối với những nội dung thuộc quyền và trách nhiệm của cổ đông, thành viên góp vốn trong quan hệ với Công ty con.

3. Chịu trách nhiệm đơn đốc, chỉ đạo, giám sát Công ty con và Người đại diện vốn thực hiện các nghị quyết, quyết định của Công ty nhằm thực hiện quyền cổ đông, thành viên góp vốn của Công ty trong quan hệ với Công ty con.

4. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị trong tổ chức đơn đốc, chỉ đạo Người đại diện vốn triển khai thực hiện các mục tiêu chiến lược, kế hoạch kinh doanh của Công ty tại Công ty con nhằm bảo toàn, phát triển vốn, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

5. Chịu trách nhiệm đánh giá kết quả hoạt động của Người đại diện vốn và quyết định theo thẩm quyền hoặc đề xuất với Hội đồng quản trị trong việc đề cử, bổ nhiệm thay thế Người đại diện vốn.

6. Trong phạm vi thẩm quyền, ban hành các Quy chế, Quy định của Công ty để cụ thể hóa việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn trong quan hệ với Công ty con.

7. Các quyền, trách nhiệm khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Điều lệ Công ty con, Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

**Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện vốn tại Công ty con**

1. Thực hiện quyền cổ đông, thành viên góp vốn của Công ty theo phạm vi ủy quyền.

2. Tham gia quản trị tại Công ty con, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo Điều lệ của Công ty con và các quy định của pháp luật, nội bộ của Công ty.

3. Chịu trách nhiệm triển khai chiến lược, nghị quyết, quyết định của Công ty đối với Công ty con, phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty con và lợi ích của các cổ đông và các bên liên quan.

4. Xin ý kiến chấp thuận của Công ty trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định đối với các nội dung phải xin ý kiến theo quy định của Công ty.

5. Chủ động tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định các nội dung không thuộc các trường hợp phải báo cáo xin ý kiến Công ty theo nguyên tắc bảo đảm tối đa lợi ích của Công ty và Công ty con, tuân thủ các quy định có liên quan.

6. Giám sát hoạt động của Công ty con; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định nội bộ hoặc theo yêu cầu của Công ty.

7. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

**CHƯƠNG VIII : NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH**

**Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Cán bộ quản lý khác**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp.

5.1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

5.2. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau đây:

a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 5.1 Điều này;

b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 45. Giao dịch với người có liên quan**

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp những đảm bảo về tài chính cho các cổ đông và những người liên quan.



**Điều 46. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty**

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:

a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;

b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

3. Công ty phải quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng và trách nhiệm xã hội của Công ty.

**CHƯƠNG IX. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Điều 47. Nghĩa vụ công bố thông tin**

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

**Điều 48. Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty**

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công ty, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

c. Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty;

d. Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và thành viên Ban kiểm soát;

e. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;

f. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đã tham gia đào tạo về quản trị công ty;

g. Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

**Điều 49. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành**

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 44 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành.
2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành hoặc cổ đông lớn.
3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

**Điều 50. Tổ chức công bố thông tin**

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:
  - a. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;
  - b. Đồng thời bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin.
2. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin phải là người;
  - a. Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
  - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
  - c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định.;
  - d. Chịu trách nhiệm về công bố thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**CHƯƠNG X. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

**Điều 51. Báo cáo**

Định kỳ hàng năm, Công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị Công ty với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 52. Giám sát**

Công ty, các cá nhân, tổ chức liên quan và các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 53. Xử lý vi phạm**

Công ty vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này mà không công bố thông tin và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại các Điều 44, Điều 45 và Điều 48 Quy chế này sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại nghị định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## CHƯƠNG XI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Điều 54. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Các nội dung sửa đổi, bổ sung phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong những trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó của pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh.

### Điều 55. Hiệu lực của Quy chế

1. Quy chế này gồm 11 chương, 55 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 nhất trí thông qua ngày 27/04/2021 tại Hải Phòng và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Dược sĩ. Bùi Xuân Hưởng**